

**PHỤ LỤC SỐ 04  
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH  
Năm 2020**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

**1.1. Thông tin về công ty:**

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: **2900383711**, đăng ký lần đầu ngày 30/05/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/06/2019.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **13.138.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **13.138.000.000** đồng
- Địa chỉ/ *Address*: **Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**
- Số điện thoại/ *Telephone*: **0238 3853157.**
- Số fax/ *Fax*: **0238 3854806.**
- Website: **<http://visitec.vn/>**
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: **TTV**

**1.2. Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:**

**• Giai đoạn trước năm 1998:**

Ngày 01/07/1989, Xí nghiệp TTTH ĐS Vinh được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở chia tách Xí nghiệp TTTH Đường sắt II Hà Nội; quản lý toàn bộ thiết bị TTTH, tuyến đường dây trần trực chính từ Km 137+200 khu gian Đồng Giao - Bim Sơn đến Km 521+600 (Bắc ga Đồng Hới) và tuyến Cầu Giát - Nghĩa Đàn.

Xí nghiệp TTTH ĐS Vinh là tổ chức sản xuất kinh doanh hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế nội bộ theo quy định của Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1.

Ngày 30/05/1996, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1208 - QĐ/TCCB- LD chuyển các Xí nghiệp TTHH Đường sắt trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1 - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành đơn vị sự nghiệp kinh tế và hoạt động theo mô hình này đến năm 1998.

- **Giai đoạn từ năm 1998 đến 2003:**

Thực hiện Nghị định 50/CP ngày 28/08/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước, liên hiệp Đường sắt Việt Nam ban hành Quyết định số 885/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 chuyển Xí nghiệp TTHH Đường sắt Vinh thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

- **Giai đoạn từ năm 2003 đến 2010:**

Ngày 20/03/2003, Bộ GTVT ban hành Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT đổi tên thành Xí nghiệp TTHH Đường sắt Vinh thành Công ty TTHH đường sắt Vinh.

- **Giai đoạn từ năm 2010 đến 2015:**

Công ty TTHH Đường sắt Vinh được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 720/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Chủ sở hữu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý và nắm giữ 100% vốn Điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- **Giai đoạn từ tháng 01/2016 đến nay:**

Công ty TNHH MTV thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh chuyển thành Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh căn cứ theo Quyết định số 3903/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:*

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học; Công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình điện dân dụng, chiếu sáng; xây dựng lắp đặt thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng và công nghiệp, hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét đường dây và trạm biến áp; chế tạo và sửa chữa thiết bị phụ tùng, sản xuất buôn bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông, tin học, tín hiệu giao thông.	4290
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn khảo sát thiết kế; Thẩm tra thẩm định báo cáo đầu tư, thẩm tra thẩm định khảo sát thiết kế, thẩm tra thẩm định dự toán; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện lắp đặt thiết bị công nghệ công trình chuyên ngành thông tin tín hiệu, điều khiển, điện.	7110
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình giao thông và chuyên ngành viễn thông, tín hiệu, điều khiển và điện.	7120
5	Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7911
6	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: dịch vụ ăn uống.	5610
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe con, xe 15 chỗ.	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933

12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thương mại cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tin hiệu và truyền thông; Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, dịch vụ tin học theo quy định của pháp luật.	6209
13	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý mạng điện và phân phối cung cấp điện	3510

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: **tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.**

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/ *Governance mode*: Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

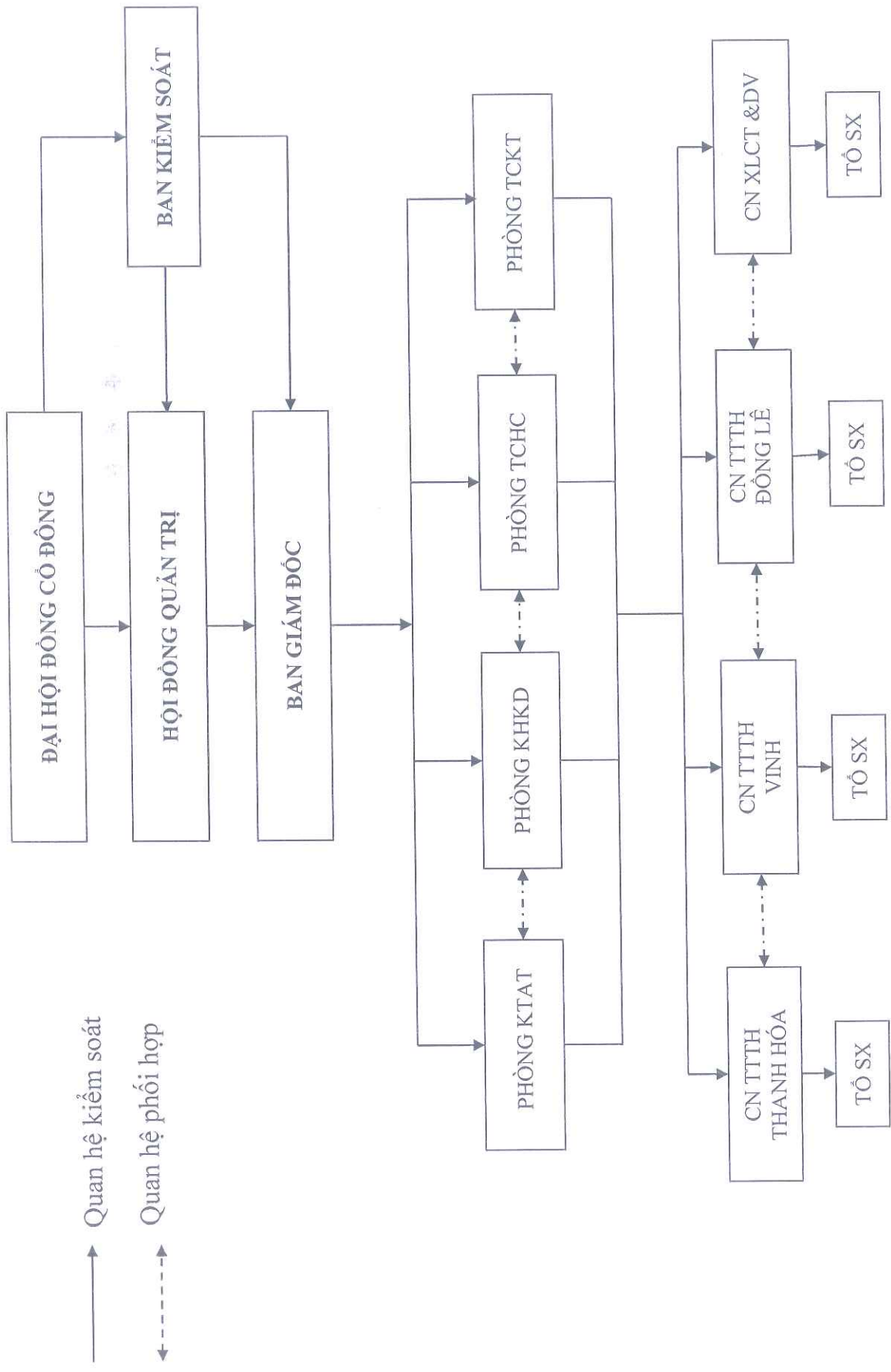
- + Đại hội đồng cổ đông.
- + Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 1 chủ tịch và 2 thành viên
- + Ban Kiểm soát : 03 người
- + Ban giám đốc : 03 người (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)
- + Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Kinh doanh, Tổ chức hành chính, Tài chính Kế toán.

+ Các Chi nhánh: CN TTTH Thanh Hóa, CN TTTH Vinh, CN TTTH Đồng Lê, CN Xây lắp công trình và Dịch vụ.

+ Các Tổ Sản xuất.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*:





#### **4. Định hướng phát triển/ Development orientations**

**4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:**

- Về hoạt động kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu ngoài SCTX đạt từ 45% đến 50% tổng doanh thu,
- Về quản lý doanh nghiệp: có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, áp dụng các công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất lao động và quản trị doanh nghiệp.
- Về nguồn nhân lực: xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, nhiệt huyết công việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực.
- Về cổ đông: thực hiện minh bạch, hiệu quả trong khâu quản lý, trả cổ tức cho các cổ đông từ 14%/năm trở lên, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Về nghĩa vụ với nhà nước: thực hiện nộp đúng, đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí với nhà nước theo quy định, thực hiện công bố thông tin nhanh chóng, kịp thời.

#### **4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống thông tin tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;
- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;
- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để nâng cao chất lượng lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý, ứng dụng tin học để tăng hiệu suất làm việc.
- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTD, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các ĐN CBTD;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng, hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Tham gia thầu, thầu phụ các gói thầu từ nguồn sự nghiệp kinh tế đường sắt, các gói thầu sửa chữa, duy tu ngoài ngành, sửa chữa lớn...

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED cho các đơn vị trong hoặc ngoài ngành; Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống ...v.v;

- Nâng cao chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, tăng cường công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

- Tận dụng lợi thế về đất đai để đầu tư kinh doanh mở rộng sản xuất.

b. Giải pháp về nguồn vốn:

#### **Huy Động Vốn:**

- Chỉ thi công các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng có nguồn vốn rõ ràng;

- Tăng sử dụng vốn từ nguồn tạm ứng và phải trả nhà cung cấp;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt để nghiệm thu, thanh toán các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng trong và ngoài vốn SNKT;

- Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng.

#### **Quản lý vốn:**

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;

- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;

- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay. Ban hành Quy chế Quản lý Tài chính; Quy chế quản lý nợ, thành lập hội đồng xử lý nợ công ty để xử lý các khoản nợ lâu năm, khó đòi.

- Tăng cường đầu tư, có các chính sách đầu tư tài sản hợp lý để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh phục vụ hoạt động đấu thầu và thi công công trình, dự án.

c. Giải pháp về nhân lực:

#### **Về chính sách lao động:**

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể; Tăng cường sử dụng lao động thời vụ trong thời điểm khối lượng thi công lớn và gấp rút;

- Sử dụng song song, hợp lý cả 2 hình thức đào tạo tại chỗ và đào tạo thuê ngoài, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: các phòng ban nghiệp vụ kết hợp với phòng TCHC mở các lớp phổ biến, hướng dẫn nghiệp vụ cho các công nhân, có chương trình cử cán bộ nhân viên tham gia các lớp, khoá đào tạo bên ngoài.

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; nhân viên bán hàng giỏi...vv;.

- Ban hành Quy chế quản lý tổ chức Cán bộ; Nội quy lao động hàng năm;
- Ban hành quy trình bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ;
- Ban hành quy định xử lý người đứng đầu trong công tác đảm bảo an toàn GTĐS.

#### **Về chính sách tiền lương**

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; lấy đơn giá tiền lương thực tế theo áp dụng khoa học kỹ thuật và dụng cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các CN theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh bán hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

#### **d. Giải pháp về mở rộng thị trường:**

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư rõ ràng;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh bán hàng;

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED; Thi công các hệ thống đèn tín hiệu giao thông...vv. Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều



hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống ; liên doanh, liên kết xây dựng các khu chung cư cao tầng...;

- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

#### 5. Các rủi ro/ Risks:

- **Rủi ro kinh tế:** Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty. Tình hình khó khăn chung của toàn ngành đường sắt ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của công ty.

- **Rủi ro pháp lý:** Các quy định của nhà nước ngày càng có nhiều thay đổi theo hướng khó khăn hơn, đòi hỏi các văn bản nội bộ doanh nghiệp phải đổi mới cho phù hợp.

- **Rủi ro cạnh tranh:** Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối danh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần “thay máu” cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

T T	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	So sánh 2020/2019 (%)
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>81.946.151.446</b>	<b>130.574.875.416</b>	<b>63</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>81.946.151.446</b>	<b>130.574.875.416</b>	<b>63</b>
4	Giá vốn hàng bán	72.972.330.646	119.928.912.536	61
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.973.820.800</b>	<b>10.645.962.880</b>	<b>84</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	366.959.541	548.842.341	67
7	Chi phí tài chính	249.836.253	47.823.765	522
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>249.836.253</i>	<i>47.823.765</i>	<i>522</i>
8	Chi phí bán hàng	-	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.691.621.960	5.694.290.715	100

10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.399.322.128</b>	<b>5.452.690.741</b>	<b>62</b>
11	Thu nhập khác	141.454.494	144.688.823	98
12	Chi phí khác	-	566.043.243	-
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>141.454.494</b>	<b>(421.354.420)</b>	
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.540.776.622</b>	<b>5.031.336.321</b>	<b>70</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	495.708.727	1.119.475.913	44
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
17	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.045.067.895</b>	<b>3.911.860.408</b>	<b>78</b>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.318	2.978	78
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.318	2.978	78

Năm 2020 là một năm đầy biến động và hết sức khó khăn đối với toàn ngành đường sắt nói chung và đối với công ty nói riêng khi đại dịch Covid-19 hoành hành, làm sụt giảm doanh thu vận tải đường sắt. Doanh thu chỉ đạt 82,45 tỷ, bằng 63% so với cùng kỳ, tuy nhiên do sự nỗ lực của toàn thể công ty, vẫn vượt kế hoạch của đại hội đồng cổ đông giao. Cùng với sự sụt giảm doanh thu, sản lượng, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều sụt giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi ích cổ đông vẫn được đảm bảo khi lợi nhuận có sự tăng trưởng 5% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

### 2.1. Ban giám đốc

#### a. Giám đốc

Họ và tên	: Trần Hải Anh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/11/1986
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện tử viễn thông
Chức vụ hiện nay	: Giám đốc
Quá trình công tác	- Từ 2012 đến tháng 2014: nhân viên phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- từ tháng 12/2014-06/2016: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> <li>- từ tháng 07/2016-03/2018: Phó giám đốc CN TTTH Thanh Hóa- công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> <li>- từ tháng 04/2018-05/2018: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> <li>- từ tháng 06/2019-09/2018: Trưởng phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> <li>- từ tháng 10/2018-05/2019: phó giám đốc công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> <li>- từ tháng 06/2019-nay: giám đốc công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 340.219 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 5.200 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 335.019 cổ phần

**b. Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Giám đốc**

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hưng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/07/1965
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tự động hóa
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt TTTH Đông Lê</li> <li>- Từ tháng 4/1992 đến tháng 10/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt Nghệ Tĩnh 1.</li> <li>- Từ tháng 11/1992 đến tháng 6/1998: Kỹ thuật viên tín hiệu Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2.</li> <li>- Từ tháng 7/1998 đến tháng 4/2003: Hạt trưởng Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2.</li> <li>- Từ tháng 5/2003 đến tháng 5/2009: Phó phòng kỹ thuật công ty TTTH ĐS Vinh</li> <li>- Từ tháng 6/2009 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS</li> </ul>

	Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.000 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 6.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

c. Ông Lê Viết Cường – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Lê Viết Cường
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 28/11/1977
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư thông tin tin hiệu
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	- tháng 10/2002 - 09/2009: nhân viên phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt Vinh - tháng 10/2009 - 06/2015: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt Vinh - tháng 07/2015 - 04/2018: Trưởng phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt Vinh - tháng 05/2018 - nay: phó giám đốc công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 2.300 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 2.300 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Lê Thị Tú Anh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 15/07/1966
Nơi sinh	: Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân



Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/1990 đến tháng 9/2002: Nhân viên kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Vinh - Từ tháng 10/2002 đến tháng 11/2003: Phó phòng tài chính Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh - Từ tháng 8/2007 đến nay: Kế toán trưởng, UV BCH Đảng ủy, UVBCH công đoàn công ty thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 72.151 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 72.151 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân: 300 người.

**Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.**

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận, áp dụng hệ số hoàn thành công việc trong tháng, quý và năm.

- Áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2020 là 3,43 triệu/tháng.

### **3. Tình hình tài chính/ Financial situation**

#### **a. Tình hình tài chính/ Financial situation**

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2020 (VNĐ)	Năm/Year 2019 (VNĐ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	43.961.617.804	62.448.635.006	29,60
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	81.946.151.446	130.574.875.416	37,24
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	3.399.322.128	5.452.690.741	37,66
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	141.454.494	-421.354.420	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	3.540.776.622	5.031.336.321	29,63
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	3.045.067.895	3.911.860.408	22,16
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio (Dự kiến)</i>	63,42%	53,06%	19,52



b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2020	2019	
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,32	1,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	1,16	1,14	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,60	0,71	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	1,50	2,47	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	17,87	28,65	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,23	0,30	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,06	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,04	0,04	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a. Cổ phần/Shares: .

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần	1.313.800
Loại cổ phần	phổ thông

Trong đó	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	1.234.972
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	78.828

b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu</b>	<b>1.313.800</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông lớn	922.046	70,18%
Cổ đông nhỏ	391.754	29,82%
<b>Phân theo tổ chức/cá nhân</b>	<b>1.313.800</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông tổ chức	670.038	51,00%
Cổ đông cá nhân	643.762	49,00%
<b>Phân theo yếu tố nước ngoài</b>	<b>1.313.800</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông trong nước	1.313.800	100,00%
Cổ đông nước ngoài	-	0,00%
<b>Phân theo yếu tố nhà nước</b>	<b>1.313.800</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông nhà nước	670.038	51,00%
Cổ đông khác	643.762	49,00%

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện (triệu đồng)		So cùng kỳ
			2020	2019	
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>82.455</b>	<b>131.268</b>	<b>63%</b>
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	81.946	130.575	63%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	367	549	67%
3	Thu nhập khác	Tr.đ	141	145	98%
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>3.541</b>	<b>5.031</b>	<b>70%</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>3.045</b>	<b>3.912</b>	<b>78%</b>

### Về doanh thu:

Năm 2020 là một năm đầy biến động và hết sức khó khăn đối với toàn ngành đường sắt nói chung và đối với công ty nói riêng khi đại dịch Covid-19 hoành hành, làm sụt giảm doanh thu toàn ngành. Năm 2020, doanh thu chỉ đạt 82,45 tỷ, bằng 63% so với cùng kỳ, tuy nhiên vẫn đạt được kế hoạch của đại hội đồng cổ đông giao.

### Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Cùng với sự sụt giảm doanh thu-sản lượng, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi ích cổ đông vẫn được đảm bảo khi lợi nhuận có sự tăng trưởng 5% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

## 2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

### a. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Cuối kỳ so với đầu kỳ	Tỷ trọng		
	Số cuối năm	Số đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng/giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>34.719.323.697</b>	<b>54.518.439.495</b>	<b>64%</b>	<b>79,0%</b>	<b>124,0%</b>	<b>-45,0%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.539.054.795	4.871.462.852	73%	8,1%	11,1%	-3,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	26.905.871.897	45.638.443.757	59%	61,2%	103,8%	-42,6%
Hàng tồn kho	4.210.817.897	3.955.547.181	106%	9,6%	9,0%	0,6%
TSNH khác	63.579.108	52.985.705	120%	0,1%	0,1%	0,0%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>9.242.294.107</b>	<b>7.930.195.511</b>	<b>117%</b>	<b>21,0%</b>	<b>18,0%</b>	<b>3,0%</b>
Tài sản cố định hữu hình	8.683.313.804	7.503.237.668	116%	19,8%	17,1%	2,7%
Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	200.000.000	100%	0,5%	0,5%	0,0%
Tài sản dài hạn khác	358.980.303	226.957.843	158%	0,8%	0,5%	0,3%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>43.961.617.804</b>	<b>62.448.635.006</b>	<b>70%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>0,0%</b>

Tổng tài sản của công ty trong năm vừa qua có xu hướng giảm. Cơ cấu tài sản của công ty biến động theo hướng giảm ngắn hạn, tăng dài hạn.

### b. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Nợ phải trả hiện tại của công ty là hơn 26 tỷ đồng, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn, trong đó chủ yếu là phải trả người lao động và vay ngân hàng. Do lường trước được đầu năm 2021 sẽ có sự thiếu hụt về nguồn vốn nên công ty đã chủ động vay trước để chi trả các khoản kinh phí phục vụ hoạt động SXKD.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management:**

Trong năm 2020, công ty đã tiếp tục có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, hiện đại hóa công tác quản lý bằng những biện pháp hợp lý:

- Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự, sửa đổi phần mềm quản lý kế hoạch, vật tư, tiền lương phù hợp với yêu cầu thực tế. Cập nhật và đưa vào sử dụng hệ thống giám sát đường ngang mới, xây dựng định mức tiền điện, tiền nhiên liệu chạy máy nổ... để tiến tới giao khoán cho các đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông tin tin hiệu do các kỹ sư giàu kinh nghiệm trong công ty trực tiếp truyền đạt cho các công nhân mới vào, tay nghề còn thấp.

- Tiếp cận với các nguồn nhân công thời vụ giá rẻ để vừa tăng tính cơ động cho công việc, vừa hoàn thành khối lượng công việc được giao, đặc biệt trong các thời điểm gấp rút như khi khối lượng đặt hàng tăng.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future**

#### **4.1. Về công tác an toàn phục vụ vận tải:**

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, PCCN và trật tự an ninh được giữ vững.

- Không để xảy ra tai nạn chạy tàu, tai nạn lao động; tai nạn cháy, nổ do chủ quan gây ra.

- Số vụ trở ngại thiết bị chạy tàu do chủ quan gây ra năm sau giảm 5% so với năm trước.

#### **4.2. Về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập người lao động:**

- Phần đầu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng thường niên và nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN đề ra, cụ thể như sau:

- Đối với KH BDTX-KCHT đường sắt: Thực hiện hoàn thành 100% khối lượng đảm bảo chất lượng, tiến độ theo hợp đồng đặt hàng.

- Đối với KH ngoài sản xuất chính từ nguồn ngân sách: Tham gia đấu thầu, liên danh thầu, thầu phụ ... để được trúng thầu tối đa các công trình trong địa bàn Công ty quản lý; đồng thời phối hợp với các đơn vị bạn và các cơ quan hữu quan trúng thầu các công trình ngoài địa bàn quản lý.

- Đối với KH ngoài sản xuất chính từ nguồn vốn đối tác bên ngoài: Tích cực quảng cáo, nâng cao năng lực đấu thầu. Năng lực bán hàng, chăm sóc tốt khách hàng. Khai thác quỹ đất, đề ra phương hướng đầu tư kinh doanh an toàn, hiệu quả.



4.3. Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình tập trung, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đạt hiệu quả công việc lên hàng đầu.

4.4. Về chi phí: Tiến tới khoán chi phí cho các đơn vị trực thuộc, giao khoán chi phí lương cho các cung, tổ sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận, tăng giá trị doanh nghiệp.

4.5 Về nhân lực: Đào tạo nhân lực hiện có, tập trung sử dụng nhân lực tại chỗ, hạn chế tuyển dụng đồng thời tăng sử dụng lao động thời vụ hợp lý để vừa tiết kiệm chi phí vừa tăng tính cơ động.

4.6. Về công nghệ: Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác quản trị doanh nghiệp như: xây dựng phần mềm quản lý công ty về kế hoạch, nhân sự, tiền lương phù hợp với yêu cầu thực tế.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies):**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.**

**Đối với hoạt động kinh doanh:**

Năm 2020 là một năm đầy biến động và hết sức khó khăn đối với toàn ngành đường sắt nói chung và đối với công ty nói riêng khi đại dịch Covid-19 hoành hành, làm sụt giảm doanh thu toàn ngành. Năm 2020, doanh thu chỉ đạt 82,45 tỷ, bằng 63% so với cùng kỳ, lợi nhuận cũng giảm sút, tuy nhiên vẫn đạt được kế hoạch của đại hội đồng cổ đông giao.

**Tình hình tài chính của công ty**

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2020	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<b>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>(Short term Asset/Short term debt)</i>	1,32	1,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,16	1,14	



<i>Short term Asset - Inventories</i>			
<i>Short term Debt</i>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	0,60	0,71	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	1,50	2,47	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )	17,87	28,65	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,23	0,30	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,06	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,04	0,04	

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 và có xu hướng tăng.

- Cơ cấu vốn: cơ cấu vốn của công ty biến động theo xu hướng giảm nợ phải trả và tăng vốn chủ sở hữu, tuy nhiên vẫn nằm trong giới hạn cho phép (hệ số nợ/vốn chủ sở hữu không quá 3 lần)

- Vòng quay hàng tồn kho có xu hướng giảm..

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất sinh lời nguyên trong khi doanh thu sản lượng sụt giảm, cho thấy công ty đã tiết kiệm chi phí tốt.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:**

Trong năm 2020, Ban giám đốc đã bám sát nghị quyết của Hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội cổ đông. Chủ động, sáng tạo triển khai thực hiện nhiệm vụ ổn định và phát triển hoạt động của công ty khi ngành đường sắt nói chung và công ty nói riêng có nhiều sự biến động.

Ban giám đốc đã có những chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong công tác mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu công trình dự án. Bên cạnh phát triển sản xuất, công ty vẫn giữ vững được an toàn chạy tàu.

Tóm lại, trong năm 2020, Ban giám đốc đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors**

Trên cơ sở những thành quả đạt được cũng như các vấn đề còn tồn tại trong năm 2019, với nhận định nền kinh tế còn nhiều biến động, tình hình khó khăn chung của toàn ngành đường sắt, mặc dù công ty đã vượt qua được những khó khăn trước mắt nhưng để tồn tại và phát triển ổn định, HĐQT xác định phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

- Tập trung mũi nhọn vào hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS quốc gia, hoàn thành 100% khối lượng đặt hàng của ngành. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để sai sót, trở ngại do chủ quan gây ra.

- Đề ra phương án đầu tư sử dụng quỹ đất của công ty được giao để kinh doanh, trước mắt đủ bù đắp chi phí thuê đất, tiến tới tăng việc làm, tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Tiết kiệm chi phí, đặc biệt là chi phí chung.

- Mở rộng sản xuất đa dạng hóa ngành nghề sang các lĩnh vực công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, đặc biệt thúc đẩy kinh doanh dịch vụ do đây là ngành có tỷ suất sinh lợi cao;

- Tiếp tục đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị do các thiết bị được đầu tư từ dự án Hà Nội-Vinh, Vinh-Sài Gòn đã lỗi thời, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu công trình dự án.

- Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp: bắt đầu từ nâng cao chất lượng lao động, đào tạo lao động chuyên nghiệp, năng động, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc cởi mở, thân thiện; khuyến khích người lao động có sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động.

- Áp dụng khoa học kỹ thuật, máy móc, phần mềm vào thực tế sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm thiểu sai sót chủ quan ảnh hưởng tới an toàn chạy tàu;

## **V. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:**

Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán.

Trích ý kiến kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán độc lập số 078/2021/BCKT-PB.00091 phát hành bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 25/02/2020: “*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh*

trong yếu tố tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020/Audited financial statements: chi tiết vui lòng xem trong bản đính kèm báo cáo này.

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2021,  
Nge An, day 11 month 03 year 2021,

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**Trần Hải Anh**

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc;
- Ủy ban CKNN, Sở GDCKHN;
- Website công ty;
- Lưu: P. TCKT.

